

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ  
THƯƠNG MẠI LONG THÀNH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016  
kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	[2] - [4]
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	[5] - [6]
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	[7] - [10]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	[11]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	[12]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	[13] - [35]

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700324666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 22 tháng 9 năm 2016.

### **2. Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát**

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<b><u>Họ và tên:</u></b>	<b><u>Chức vụ:</u></b>
Ông Lã Văn Quyến	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 03/8/2016) (i)
Ông Đỗ Văn Luyện	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 03/8/2016, miễn nhiệm ngày 12/9/2016) (i)
Ông Trần Quang Huy	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12/9/2016) (ii)
Bà Trịnh Thị Chung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/9/2016) (iii)
Ông Nguyễn Văn Hiệp	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/9/2016) (iii)
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/9/2016) (iii)
Ông Lã Văn Châm	Thành viên (iii)
Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 06/9/2016) (iii)
Ông Phạm Trung Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 06/9/2106) (iii)
Ông Đỗ Văn Luyện	Thành viên (iii)

Thành viên Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<b><u>Họ và tên:</u></b>	<b><u>Chức vụ:</u></b>
Bà Vũ Minh Thu	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 06/9/2016) (iii)
Ông Bùi Nguyên Dương	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 06/9/2016) (iii)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/9/2106) (iii)
Bà Lại Thị Mai Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/9/2016) (iii)
Ông Nguyễn Thành Việt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 06/9/2016) (iii)
Ông Đỗ Việt Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 06/9/2016) (iii)

Thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<b><u>Họ và tên:</u></b>	<b><u>Chức vụ:</u></b>
Ông Lã Văn Quyến	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/8/2016) (i)

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ông Đỗ Văn Luyện

Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/8/2016, miễn nhiệm ngày 12/9/2016) (i)

Ông Trần Quang Huy

Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/9/2016) (ii)

- (i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2016/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 8 năm 2016 về việc miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT kiêm người đại diện theo pháp luật.
- (ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 39/2016/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 9 năm 2016 về việc bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT kiêm người đại diện theo pháp luật.
- (iii) Theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông bất thường số 02/2016/NQ-HĐCD ngày 06 tháng 9 năm 2016.

### **3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng, không còn có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### **6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Ban Giám đốc Công ty cho rằng, ngoài các sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh số 8.5, không còn có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### **7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

### **8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **9. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nam, ngày 31 tháng 03 năm 2017

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC**  
**GIÁM ĐỐC**



**TRẦN QUANG HUY**

Số: 44/2017/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016  
của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành được lập ngày 31 tháng 03 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 5.5 trong năm 2016 Công ty cho một số cá nhân vay bằng tiền mặt.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Dương Thị Thảo**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0162-2015-242-1

**Nguyễn Thị Huế**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2493-2015-242-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>61.681.007.466</b>	<b>76.116.311.309</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>5.645.923.189</b>	<b>4.521.461.323</b>
1. Tiền	111		5.645.923.189	4.521.461.323
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.484.537.008</b>	<b>49.663.753.903</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.898.440.029	18.029.279.654
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.610.388.042	18.640.843.281
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	12.000.000.000	6.300.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	5.5	442.600.000	6.693.630.968
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.6	(1.466.891.063)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>27.357.924.338</b>	<b>21.222.857.489</b>
1. Hàng tồn kho	141		27.357.924.338	21.222.857.489
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>192.622.931</b>	<b>708.238.594</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	22.062.878	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		159.538.503	708.238.594
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		11.021.550	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.673.701.616</b>	<b>32.526.261.742</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>330.922.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	330.922.000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01- DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.842.779.616</b>	<b>16.285.075.107</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	9.614.896.587	16.285.075.107
- Nguyên giá	222		14.393.110.908	19.841.113.634
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.778.214.321)	(3.556.038.527)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	4.227.883.029	-
- Nguyên giá	225		4.378.899.999	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(151.016.970)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>11.500.000.000</b>	<b>16.144.310.393</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.500.000.000	17.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(1.355.689.607)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>96.876.242</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	-	96.876.242
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>87.354.709.082</b>	<b>108.642.573.051</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.403.440.551</b>	<b>35.397.149.134</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.832.585.853</b>	<b>27.219.436.769</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	6.475.055.829	10.922.213.483
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	2.806.947.470	3.110.044.997
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	227.698.805	1.059.691.031
4. Phải trả người lao động	314		-	127.487.258
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	40.000.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	282.883.749	12.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.570.854.698</b>	<b>8.177.712.365</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	3.570.854.698	8.177.712.365
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>73.951.268.531</b>	<b>73.245.423.917</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	73.951.268.531	73.245.423.917
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.000.000.000	68.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.000.000.000	68.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.951.268.531	5.245.423.917
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.192.473.312	1.574.168.072
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		758.795.219	3.671.255.845
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>87.354.709.082</b>	<b>108.642.573.051</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

*Toan*

*Toan*



Nguyễn Thị Toan

Nguyễn Thị Toan

Trần Quang Huy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số B 02-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	74.881.322.779	88.789.123.287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>74.881.322.779</b>	<b>88.789.123.287</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	65.500.444.287	75.956.556.805
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>9.380.878.492</b>	<b>12.832.566.482</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	444.553.761	638.608.841
7. Chi phí tài chính	22	6.5	275.327.567	2.838.362.638
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.631.017.174	1.482.673.031
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	3.669.110.514	4.788.738.122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	3.639.823.233	705.101.631
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.241.170.939</b>	<b>5.138.972.932</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.212.029	-
12. Chi phí khác	32	6.7	1.255.888.944	396.918.949
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.254.676.915)</b>	<b>(396.918.949)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>986.494.024</b>	<b>4.742.053.983</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	227.698.805	1.070.798.138
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>758.795.219</b>	<b>3.671.255.845</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		111	668
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

GIÁM ĐỐC

*Toan*

*Toan*



Nguyễn Thị Toan

Nguyễn Thị Toan

Trần Quang Huy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị tính: VND  
Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	123.682.411.083	100.048.696.940
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(94.389.064.702)	(95.228.224.554)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.002.852.648)	(1.640.634.761)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.610.787.146)	(1.482.549.636)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.087.032.331)	(265.973.575)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.737.527.218	1.436.582.267
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.666.186.752)	(8.156.745.244)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>25.664.014.722</b>	<b>(5.288.848.563)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.991.088.182)	(6.110.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		125.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(46.000.000.000)	(22.950.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.300.000.000	16.650.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(17.000.000.000)	(21.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	23.000.000.000	4.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		467.350.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.691.088.182)</b>	<b>(29.318.150.000)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		41.396.050.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.316.000.000	28.082.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(41.164.464.674)	(30.526.467.635)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(21.848.464.674)</b>	<b>38.951.582.365</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1.124.461.866</b>	<b>4.344.583.802</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.521.461.323</b>	<b>176.877.521</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy</b>	<b>61</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.645.923.189</b>	<b>4.521.461.323</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Toan*

*Toan*



Nguyễn Thị Toan

Nguyễn Thị Toan

Trần Quang Huy

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700324666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 6 năm 2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 9 năm 2016, Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị là ông Trần Quang Huy thay cho ông Đỗ Văn Luyện.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu số B09-DN**

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

#### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

#### **4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

##### **4.5.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

05- 50 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu số B09-DN**

Máy móc thiết bị	05- 25 năm
Phương tiện vận tải	01- 10 năm
Thiết bị văn phòng	03- 10 năm

**4.5.2 Tài sản cố định thuê tài chính**

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao TSCĐ thuê tài chính được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định thuê tài chính của công ty như sau:

Máy móc thiết bị	05- 10 năm
------------------	------------

**4.6 Các khoản đầu tư tài chính**

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.9 Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí lãi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí lãi vay.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN

**4.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.11 Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.12 Doanh thu:**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.13 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.14 Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu số B09-DN**

chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.16 Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.17 Bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.6.

**4.18 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: Bán bán vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tiền mặt	1.322.755.785	2.512.382.709
Tiền gửi ngân hàng	4.323.167.404	2.009.078.614
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.645.923.189</b>	<b>4.521.461.323</b>

**5.3 Phải thu khách hàng**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>12.898.440.029</b>	-	<b>18.029.279.654</b>	-
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	3.072.235.916	-	1.660.909.916	-
<i>Công ty CP Xây dựng số 1 Long Thành</i>	1.540.909.916	-	1.660.909.916	-
<i>Công ty CP Vận tải Dịch vụ Đường sông Sơn La</i>	1.531.326.000	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	9.826.204.113	(1.466.891.063)	16.368.369.738	-
<b>Cộng</b>	<b>12.898.440.029</b>	<b>(1.466.891.063)</b>	<b>18.029.279.654</b>	-
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>				
<b>c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</b>				-
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HP</i>	664.748.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>664.748.000</b>	-	-	-

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Công ty CP TM VLXD Hamico	2.196.074.999	7.617.544.756
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hồng Phát	1.072.149.405	-
Công ty TNHH TM và Dịch Vụ Hiền Hải	739.000.000	-
Công ty CP TM Thành Nam	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hamico	-	9.980.240.001
Các công ty khác	3.163.638	1.043.058.524
<b>Cộng</b>	<b>4.610.388.042</b>	<b>18.640.843.281</b>

**5.5 Phải thu khác và cho vay**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>12.442.600.000</b>	-	<b>12.993.000.000</b>	-
- Tạm ứng	-	-	6.500.000.000	-
- <i>Lãi cho vay phải thu</i>	442.600.000	-	193.000.000	-
- <i>Cho vay (*)</i>	12.000.000.000	-	6.300.000.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>330.922.000</b>	-	-	-
- <i>Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược</i>	330.922.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.773.522.000</b>	-	<b>12.993.000.000</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(\*) Cho Ông Nguyễn Ngọc Sách vay bằng tiền mặt theo hợp đồng số 2509-2/HĐVT/KDM ngày 25 tháng 9 năm 2016 số tiền 6 tỷ đồng, thời gian vay 63 tháng, lãi suất 0,7%/tháng và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1809/2016/NQ-HĐQT/KDM ngày 18 tháng 9 năm 2016.

(\*) Cho Bà Nguyễn Hoàng Anh vay bằng tiền mặt theo hợp đồng số 2612/HĐVT/KDM ngày 26 tháng 12 năm 2016 số tiền 6 tỷ, thời gian vay 03 tháng, lãi suất 0,7%/ tháng và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2312/2016/NQ-HĐQT/KDM ngày 23 tháng 12 năm 2016.

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thanh toán	4.889.636.876	3.422.745.813		
Chi tiết theo thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn	4.889.636.876	3.422.745.813		
Từ 3 năm trở lên				
Từ 2 năm đến dưới 3 năm				
Từ 1 năm đến dưới 2 năm				
Dưới 1 năm	4.889.636.876	3.422.745.813		
Công ty CP Xây dựng Kiến trúc và XNK AZ Việt Nam	858.678.731	601.075.112		
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Việt	502.497.655	351.748.359		
Công ty Cổ phần Xây dựng Quân Phương	578.723.401	405.106.381		
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Đầu tư Xây dựng Quyết Thắng	1.013.593.500	709.515.450		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	833.814.981	583.670.487		
Các đối tượng khác	1.102.328.608	771.630.026		
<b>Cộng</b>	<b>4.889.636.876</b>	<b>3.422.745.813</b>		

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	-	-	406.668.803	
Hàng hóa	27.357.924.338		20.816.188.686	
<b>Cộng</b>	<b>27.357.924.338</b>	<b>-</b>	<b>21.222.857.489</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a) Ngắn hạn	22.062.878	-
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	22.062.878	-
b) Dài hạn	-	96.876.242
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	96.876.242
<b>Cộng</b>	<b>22.062.878</b>	<b>96.876.242</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH**  
Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09-DN

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị hợp lý (*)
a) Chứng khoán kinh doanh		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.500.000.000	17.500.000.000
- Đầu tư vào Công ty con	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-
- Đầu tư khác	11.500.000.000	17.500.000.000
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	11.500.000.000	17.500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Hồng 12	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt- tỷ lệ sở hữu 19% (i)	7.000.000.000	17.500.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HP- Tỷ lệ sở hữu 18% (i)	4.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.500.000.000</b>	<b>17.500.000.000</b>
		<b>(1.355.689.607)</b>

(i) Theo Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐQT/KDM ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng Quản trị về việc đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HP và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt.

(\*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.1.iv- Giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH**  
Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu số B 09-DN**

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dung cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	350.640.908	15.205.000.000	4.240.472.726		45.000.000	19.841.113.634
- Mua trong năm		2.991.088.182				2.991.088.182
- Thanh lý, nhượng bán		(4.241.818.182)	(4.197.272.726)			(8.439.090.908)
Số dư cuối năm	350.640.908	13.954.270.000	43.200.000		45.000.000	14.393.110.908
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	214.750.234	2.133.460.964	1.190.528.942		17.298.387	3.556.038.527
- Số khấu hao trong năm	70.128.182	2.841.541.768	300.829.149		22.500.000	3.234.999.099
- Thanh lý, nhượng bán		(542.774.891)	(1.470.048.414)			(2.012.823.305)
Số dư cuối năm	284.878.416	4.432.227.841	21.309.677		39.798.387	4.778.214.321
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	135.890.674	13.071.539.036	3.049.943.784		27.701.613	16.285.075.107
2. Tại ngày cuối năm	65.762.492	9.522.042.159	21.890.323		5.201.613	9.614.896.587

**5.10 Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dung cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm						
Tăng trong năm		4.378.899.999				4.378.899.999
- Thuê tài chính trong năm		4.378.899.999				4.378.899.999
Số dư cuối năm		4.378.899.999				4.378.899.999
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm						
Tăng trong năm		151.016.970				151.016.970
- Số khấu hao trong năm		151.016.970				151.016.970
Số dư cuối năm		151.016.970				151.016.970
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm						
2. Tại ngày cuối năm		4.227.883.029				4.227.883.029

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH**  
Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09-DN

**5.11 Vay và nợ thuế tài chính**

	31/12/2016		01/01/2016		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>282.883.749</b>	<b>282.883.749</b>	<b>29.733.116.251</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
Vay ngân hàng VND	282.883.749	282.883.749	27.883.116.251	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng NN và PT	-	-	22.300.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Nông thôn Việt Nam	282.883.749	282.883.749	5.583.116.251	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (i)	-	-	1.850.000.000	-	-
Vay cá nhân	-	-	10.285.757.666	8.177.712.365	8.177.712.365
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>3.570.854.698</b>	<b>3.570.854.698</b>	<b>10.285.757.666</b>	<b>8.177.712.365</b>	<b>8.177.712.365</b>
Vay ngân hàng VND	337.545.456	337.545.456	9.140.166.909	8.177.712.365	8.177.712.365
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nam	-	-	8.756.167.000	7.456.167.000	7.456.167.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	337.545.456	337.545.456	383.999.909	721.545.365	721.545.365
Nợ thuế tài chính	3.233.309.242	3.233.309.242	1.145.590.757	-	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội (iii)	740.885.000	740.885.000	391.742.272	-	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Quốc tế Chaillease (iv)	2.492.424.242	2.492.424.242	753.848.485	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.853.738.447</b>	<b>3.853.738.447</b>	<b>40.018.873.917</b>	<b>20.177.712.365</b>	<b>20.177.712.365</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH**  
 Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09-DN

**5.11 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)**

- (i) Hợp đồng tín dụng số HMN.DN.538.180516 ngày 10 tháng 6 năm 2016 ký với Ngân hàng TMCP Á Châu với hạn mức tín dụng 750 triệu đồng, thời hạn vay là 12 tháng, thời hạn trả lãi và gốc theo từng kỳ ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động và các chi phí mua hàng trong nước khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- (ii) Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTD/NHCT384 ngày 11 tháng 11 năm 2014 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam với hạn mức 1,5 tỷ đồng, thời hạn của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất và kỳ hạn trả nợ quy định trong từng kỳ ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (iii) Hợp đồng thuê tài chính số 03.0416/HĐCTTC-LT ngày 25 tháng 4 năm 2016 ký với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu- chính nhánh Hà Nội về việc thuê tài chính máy đào bánh xích Komatsu PC200-8N1, giá trị tài sản 1.132.727.272 đồng chưa bao gồm thuế VAT, thời gian thuê 36 tháng, giá trị mua lại 3.208.000 VND, lãi suất 9,9%/năm và được điều chỉnh trong thời gian thuê thực tế.
- (vi) Hợp đồng thuê tài chính số B161207813 ngày 21 tháng 12 năm 2016 ký với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Quốc tế Challease-chinh nhánh Hà Nội về việc thuê tài chính 2 máy xúc lật bánh lốp, giá trị tài sản 3.500.000.000 đồng đã bao gồm thuế VAT, thời gian thuê 48 tháng, lãi suất 8,78%/năm và được điều chỉnh trong thời gian thuê thực tế.

**c) Các khoản nợ thuế tài chính**

	Năm 2016		Năm 2015	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
Từ 1 năm đến 5 năm	309.015.899	77.149.596	231.866.303	-
Trên 5 năm	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>309.015.899</b>	<b>77.149.596</b>	<b>231.866.303</b>	<b>231.866.303</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.12 Phải trả người bán**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>6.475.055.829</b>	<b>6.475.055.829</b>	<b>10.922.213.483</b>	<b>10.922.213.483</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	3.357.396.400	3.357.396.400	-	-
<i>Công ty CP ĐT Thương mại Đại Nam Việt</i>	1.195.795.000	1.195.795.000	-	-
<i>Công ty CP VLXD Thương mại và Du lịch KTC</i>	1.122.000.000	1.122.000.000	-	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Vận tải Nguyễn Khang Hà Nam</i>	1.039.601.400	1.039.601.400	-	-
<i>Cty TNHH MTV Vinh Thịnh Vượng</i>	1.011.037.500	1.011.037.500	-	-
<i>Công ty CPSX và XNK Tổng hợp HẢ NAM</i>	660.000.000	660.000.000	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	3.117.659.429	3.117.659.429	10.922.213.483	10.922.213.483
<b>Cộng</b>	<b>6.475.055.829</b>	<b>6.475.055.829</b>	<b>10.922.213.483</b>	<b>10.922.213.483</b>
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>		-	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		-	-	-
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HP</i>	-	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt</i>	1.195.795.000	1.195.795.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.195.795.000</b>	<b>1.195.795.000</b>	-	-

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Công ty CP TM VLXD Hamico	673.646.470	2.176.315.000
Công ty TNHH Đầu tư XD và Vận tải Nhuận Hiển	570.000.000	170.000.000
Công ty TNHH Oanh Vân	470.000.000	-
Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	600.000.000	250.000.000
Công ty CP Xây dựng Số 12	378.301.000	290.937.000
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	493.301.000	222.792.997
<b>Cộng</b>	<b>2.806.947.470</b>	<b>3.110.044.997</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09-DN

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

a) Phải nộp	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
- Thuế GTGT	-	-	-	-
- Thuế TNDN	1.059.691.031	255.040.105	1.087.032.331	227.698.805
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.059.691.031</b>	<b>255.040.105</b>	<b>1.087.032.331</b>	<b>227.698.805</b>
<b>b) Phải thu</b>				
- Thuế GTGT nộp thừa	-	8.069.136.088	8.080.157.638	11.021.550
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.069.136.088</b>	<b>8.080.157.638</b>	<b>11.021.550</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.15 Chi phí phải trả**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a) Ngắn hạn	40.000.000	-
- Trích trước chi phí kiểm toán	40.000.000	-
b) Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH**  
 Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.16 **Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	16.000.000.000					1.574.168.072	17.574.168.072
Tăng vốn năm trước	52.000.000.000						52.000.000.000
Lãi trong năm trước						3.671.255.845	3.671.255.845
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác							
<b>Số dư cuối năm trước</b>	68.000.000.000					5.245.423.917	73.245.423.917
Tăng vốn trong năm nay	3.000.000.000						
Lãi trong năm nay							
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác							
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế							
Truy thu thuế							
<b>Số dư cuối năm nay</b>	71.000.000.000					2.951.268.531	73.951.268.531

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường số 02/2016/NQ-DHĐCĐ ngày 06/09/2016 về việc phát hành cổ phiếu thường cho CBNV từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09-DN

*Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	Tỉ lệ vốn góp	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Vốn góp của chủ sở hữu	100,0%	71.000.000.000	68.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác			
<b>Cộng</b>		<b>71.000.000.000</b>	<b>68.000.000.000</b>

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	68.000.000.000	16.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	3.000.000.000	52.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	71.000.000.000	68.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.000.000.000	-

*Cổ phiếu*

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>7.100.000</b>	<b>6.800.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>7.100.000</b>	<b>6.800.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	7.100.000	6.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>7.100.000</b>	<b>6.800.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	7.100.000	6.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

*Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	758.795.219	3.671.255.845
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.833.425	5.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>111</b>	<b>668</b>

*Các quỹ của doanh nghiệp*

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.881.322.779	88.789.123.287
<b>Cộng</b>	<b>74.881.322.779</b>	<b>88.789.123.287</b>
<b>Doanh thu các bên liên quan</b>		-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HP	1.470.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.470.000.000</b>	-
<b>Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản</b>		
- Doanh thu ghi nhận theo tổng số tiền nhận trước		
- Doanh thu ghi nhận theo phương pháp phân bổ dần cho thời gian đi thuê		

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

**6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
- Giá vốn của hàng bán và cung cấp dịch vụ	65.500.444.287	75.956.556.805
<b>Cộng</b>	<b>65.500.444.287</b>	<b>75.956.556.805</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lãi tiền gửi, cho vay	444.553.761	638.608.841
Lãi đánh giá chênh lệch tỷ giá		
<b>Cộng</b>	<b>444.553.761</b>	<b>638.608.841</b>

**6.5 Chi phí tài chính**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lãi tiền vay	1.631.017.174	2.838.362.638
Hoàn nhập chi phí dự phòng khoản đầu tư	(1.355.689.607)	
<b>Cộng</b>	<b>275.327.567</b>	<b>2.838.362.638</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Các khoản thu nhập khác	1.212.029	-
<b>Cộng</b>	<b>1.212.029</b>	-

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lỗ từ hoạt động thanh lý tài sản	1.036.099.137	271.708.664
- Giá trị còn lại tài sản và chi phí thanh lý tài sản	6.426.267.603	385.345.028
- Thu nhập từ việc bán tài sản	5.390.168.466	113.636.364
Lỗ đánh giá lại tài sản		
Các khoản bị phạt		
Các khoản chi phí khác	219.789.807	125.210.285
<b>Cộng</b>	<b>1.255.888.944</b>	<b>396.918.949</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09-DN

**6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:</b>	<b>3.639.823.233</b>	<b>705.101.631</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	883.158.510	247.471.154
Chi phí nhân công quản lý	117.000.000	247.471.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	527.570.169	399.048.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	238.588.341	
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.756.664.723	58.582.109
<b>Các khoản chi phí bán hàng:</b>	<b>3.669.110.514</b>	<b>4.788.738.122</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	2.851.117.739	4.063.490.521
+ Chi phí nhân công	1.303.519.501	1.489.469.230
+ Chi phí khấu hao	356.338.381	2.574.021.291
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.191.259.857	
- Chi phí bán hàng khác	817.992.775	725.247.601
<b>Cộng</b>	<b>7.308.933.747</b>	<b>5.493.839.753</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.712.351.740	
Chi phí nhân công	1.420.519.501	1.736.940.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	883.908.550	2.973.069.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.661.848.198	1.153.355.465
Chi phí bằng tiền khác	6.045.422.765	1.464.167.118
<b>Cộng</b>	<b>13.724.050.754</b>	<b>7.327.532.626</b>

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	986.494.024	4.742.053.983
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	152.000.000	125.210.285
+ Chi phí không được trừ	152.000.000	
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	
Thu nhập chịu thuế	1.138.494.024	4.867.264.268
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>227.698.805</b>	<b>1.070.798.138</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 31/12/2016</b>			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.645.923.189		5.645.923.189
Phải thu khách hàng	12.898.440.029		12.898.440.029
Đầu tư	-	11.500.000.000	11.500.000.000
Phải thu khác	442.600.000		442.600.000
Tài sản tài chính khác	-		-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.466.891.063)		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.520.072.155</b>	<b>11.500.000.000</b>	<b>30.486.963.218</b>
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Các khoản vay và nợ	3.853.738.447		3.853.738.447
Phải trả người bán	6.475.055.829		6.475.055.829
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	267.698.805	-	267.698.805
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.596.493.081</b>	<b>-</b>	<b>10.596.493.081</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>6.923.579.074</b>	<b>11.500.000.000</b>	<b>19.890.470.137</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 01/01/2016</b>			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.521.461.323		4.521.461.323
Phải thu khách hàng	18.029.279.654		18.029.279.654
Đầu tư		17.500.000.000	17.500.000.000
Phải thu khác	6.693.630.968		6.693.630.968
Tài sản tài chính khác	-		-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi			
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(1.355.689.607)	
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.244.371.945</b>	<b>16.144.310.393</b>	<b>46.744.371.945</b>
<b>Ngày 01/01/2016</b>			
Các khoản vay và nợ	20.177.712.365		20.177.712.365
Phải trả người bán	10.922.213.483		10.922.213.483
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.187.178.289	-	1.187.178.289
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.287.104.137</b>	<b>-</b>	<b>32.287.104.137</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(3.042.732.192)</b>	<b>16.144.310.393</b>	<b>14.457.267.808</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH**  
 Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09-DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.500.000.000	17.500.000.000	11.500.000.000	16.144.310.393	
Các khoản cho vay và phải thu	12.000.000.000	6.300.000.000	12.000.000.000	6.300.000.000	
<i>Phải thu khách hàng và phải thu khác</i>	13.341.040.029	24.722.910.622	11.431.548.966	24.722.910.622	
<i>Tài sản tài chính khác</i>					
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	5.645.923.189	4.521.461.323	5.645.923.189	4.521.461.323	
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.486.963.218</b>	<b>53.044.371.945</b>	<b>40.577.472.155</b>	<b>51.688.682.338</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	282.883.749	12.000.000.000	282.883.749	12.000.000.000	
<i>Phải trả người bán</i>	6.475.055.829	10.922.213.483	6.475.055.829	10.922.213.483	
<i>Phải trả khác</i>	-	-	-	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.757.939.578</b>	<b>22.922.213.483</b>	<b>6.757.939.578</b>	<b>22.922.213.483</b>	

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH**  
Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 8.2 Báo cáo bộ phận

### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

**Năm 2016**

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	67.125.442.175	7.755.880.604		74.881.322.779
Giá vốn hàng bán	60.912.107.896	4.588.336.391		65.500.444.287
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>6.213.334.279</b>	<b>3.167.544.213</b>		<b>9.380.878.492</b>

**Năm 2015**

CHỈ TIÊU	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	61.522.241.298	27.266.881.989	-	88.789.123.287
Giá vốn hàng bán	55.886.371.118	20.070.185.687		75.956.556.805
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>5.635.870.180</b>	<b>7.196.696.302</b>	-	<b>12.832.566.482</b>

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH**  
 Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Mẫu số B 09-DN

CHỈ TIÊU	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Khác	Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	40.219.650.009	4.647.102.400		44.866.752.409
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				42.487.956.673
<b>Tổng tài sản</b>				<b>87.354.709.082</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.320.613.907	961.389.392		9.282.003.299
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				4.121.437.252
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>13.403.440.551</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	40.114.214.211	17.778.766.213	-	57.892.980.424
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				50.749.592.627
<b>Tổng tài sản</b>				<b>108.642.573.051</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.154.959.207	955.085.790		3.110.044.997
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				32.287.104.997
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>35.397.149.994</b>

Đơn vị tính: VND

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh Hà Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

**8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 31/2016/NQ-HĐQT/KDM ngày 05 tháng 8 năm 2016 thông qua việc chuyển nhượng 1.750.000 cổ phần Công ty Cổ phần Sông Hồng 12.

**8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700324666 thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, Công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ lên là 71 tỷ đồng.

**8.6 Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan:

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	Số 240B, tổ 7 phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Góp vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HP	Đường Trần Phú, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Góp vốn đầu tư

Giao dịch với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các giao dịch của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VNĐ
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HP	Bán hàng	1.617.000.000
	Thu tiền hàng	952.252.000
	Mua hàng	252.252.000
	Thanh toán tiền	252.252.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	Mua hàng	10.022.989.900
	Thanh toán tiền	8.827.194.900

Thu nhập của các thành viên của HĐQT và Ban Giám đốc:

	Năm 2016 (VNĐ)	Năm 2015 (VNĐ)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	98.655.577	86.545.087
Thù lao và thưởng của HĐQT	-	-

**8.6 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**8.7 Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.8 Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Toan

Toan

Nguyễn Thị Toan

Nguyễn Thị Toan

